ĐẶC TRƯNG VĂN HOÁ - DÂN TỘC QUA THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ VIỆT BẮT ĐẦU BẰNG TỪ *ĂN*

QUÁCH THỊ BÌNH THỌ[1]

Abstract: Language reflects objective reality through the subjective lens of human worldview. It is considered the "universal key" allowing people to open doors to explore nature, society, and even themselves. Folk idioms and proverbs are the distilled experiences of life, reflecting the speech patterns, ways of thinking, communications, and specific cognitive styles of the Vietnamese people. These idioms and proverbs are a rich and invaluable resource for studying the cultural and ethnic characteristics of linguistic thought. Through the exploration of idioms and proverbs containing the word *ăn* (eat), we aim to elucidate the cultural and ethnic traits of Vietnam. These traits include the unique aspects of an agricultural lifestyle centered around wet rice cultivation, the cultural nuances in speech and communication, and particularly the characteristics in personality, qualities, spirit, religion, and beliefs of the Vietnamese people.

Keywords: *cultural characteristics, idioms, proverbs, language*

1. Đặt vấn đề

Ăn uống đối với con người được xem là một vấn đề rất quan trọng. Hoạt động ăn uống không chỉ giúp duy trì sự sống mà thông qua đó còn thể hiện nét văn hoá góp phần làm nên cốt cách, phẩm chất của một con người (văn hoá ăn, văn hoá mặc, văn hoá giao tiếp, văn hoá ứng xử…). Chuyện ăn uống của mỗi dân tộc, mỗi đất nước đều có những đặc trưng riêng biệt và văn hoá ăn uống của người Việt cũng vậy, cũng có những nét đặc trưng nổi bật.

Tìm hiểu thành ngữ, tục ngữ Việt, chúng tôi thấy từ *ăn* được nhắc đến rất nhiều, đồng thời cũng mang nhiều nét nghĩa khác nhau, thể hiện rõ nét những đặc trưng văn hoá của người Việt. Việc ăn uống được cha ông ta kết hợp giữa văn hoá ẩm thực, gia đình và xã hội. Bài viết này hướng tới việc tìm hiểu đặc trưng văn hoá - dân tộc qua khảo sát các thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt bắt đầu bằng từ *ăn*.

2. Cơ sở lí thuyết

Văn hoá là gì? Đã có rất nhiều cách hiểu và cách trình bày khác nhau về khái niệm này. Theo một cách hiểu chung nhất thì, văn hoá là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người và môi trường tự nhiên và xã hội của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hoá". [4, tr.458]

Ngôn ngữ là phương tiện lưu trữ và truyền đạt các giá trị văn hoá từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự biến đổi và phát triển của ngôn ngữ đi đôi với sự biến đổi và phát triển của văn hoá. F. de

[1] TS, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Saussure cho rằng "Phong tục của một dân tộc có tác động đến ngôn ngữ, và mặt khác, trong một chừng mực khá quan trọng, chính ngôn ngữ làm nên dân tộc". [8, tr.47]

Là sản phẩm của xã hội loài người, sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ gắn liền với sự phát triển của xã hội. Ngôn ngữ và văn hoá có mối quan hệ mật thiết với nhau. Điều này thể hiện ở mấy điểm quan trọng sau đây:

- Thứ nhất, ngôn ngữ là sản phẩm văn hoá nhưng đồng thời lại là công cụ, phương tiện để ghi lại, phản ánh văn hoá;

- Thứ hai, do là công cụ, phương tiện lưu giữ, truyền tải văn hoá nên mọi thuộc tính của văn hoá đều ẩn chứa trong ngôn ngữ;

Trong văn hoá Việt Nam, văn hoá *ăn* rất được coi trọng. Muốn tồn tại phải có *ăn*, nên *ăn* được đặt lên hàng đầu "dĩ thực vi tiên". Đối với người Việt, con người muốn lớn lên phải *Học ăn, học nói, học gói, học mở*. *Ăn* là văn hoá cơ bản để từ đó học và rèn về các văn hoá khác như: văn hoá ứng xử giữa con người với con người, văn hoá giao tiếp, rèn giũa những văn hoá truyền thống của gia đình, làng xã... Do đó cách ăn uống của người Việt mang đặc trưng văn hoá - dân tộc rất rõ rệt.

3. Tìm hiểu đặc trưng văn hoá - dân tộc qua thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ *ăn*

Để tìm hiểu đặc trưng văn hoá - dân tộc chúng tôi đã tập hợp và khảo sát được 400 thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ *ăn* trong tài liệu *Thành ngữ tục ngữ Việt Nam* của Trần Quang Đức, Nguyễn Giang Linh, Đặng Hồng Quân [2].

Quá trình xử lí tư liệu cho thấy rằng, các thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ *ăn* thể hiện nhiều nét đặc trưng văn hoá rất đáng chú ý của người Việt. Nổi bật là bốn khía cạnh được thể hiện trong bảng tổng hợp sau:

Bảng 1. Bảng tổng hợp những khía cạnh thể hiện đặc trưng văn hoá của thành ngữ, tục ngữ chứa "ăn"

STT	Đặc trưng văn hoá - dân tộc	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Hành vi mang tính xã hội, bộc lộ nhân cách	256/400	64/100
2	Đời sống nông nghiệp đặc thù	120/400	30/100
3	Tính cách, phẩm chất con người	159/400	39,75/100
4	Đời sống tinh thần, tôn giáo, tín ngưỡng	20/400	5/100

3.1. Thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ "ăn" phản ánh những hành vi mang tính xã hội, bộc lộ nhân cách của mỗi con người

Qua hành vi ăn uống, cha ông ta quan niệm rằng lời ăn tiếng nói không chỉ là hành động của mỗi cá nhân mà nó còn là những hành vi mang tính xã hội, bộc lộ nhân cách của mỗi con người.

Trước hết, nói về việc "học ăn", cha ông ta dạy rằng: phải biết trân trọng cái ăn, ghi nhớ công ơn những người lao động một nắng hai sương làm ra cái ăn:

- *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

- *Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng*

Hoặc:

- *Ăn bát cơm dẻo nhớ nẻo đường đi*

- *Ăn bát cơm đầy nhớ ngày gian khổ*

Bài học được rút ra là bữa ăn, miếng ăn là thành quả của những người lao động, phải trải qua bao vất vả, cực nhọc mới tạo được giá trị vật chất nhỏ nhoi ấy. Nhân dân ta luôn quý trọng thành quả đó, vì vậy trong tiếng Việt còn có từ "ngọc thực".

Cách ứng xử trong ăn uống cũng được người Việt rất coi trọng. Đối với người Việt, khi ăn cần phải có "ý tứ", tức là phải có sự quan sát cũng giống như khi ngồi, cần quan sát và ngồi ở vị trí sao cho phù hợp, lịch sự: *ăn trông nồi, ngồi trông hướng*; *ăn có nơi, chơi có chốn; ăn có chỗ, đỗ có nơi*; cần phải ăn một cách từ tốn, chậm rãi: *ăn khoan ăn thai, vừa nhai vừa nghĩ*. Do đó ăn nhanh, không lịch sự, không có "ý tứ", không để ý đến ai: *ăn bốc ăn bải*; *ăn xó mó niêu*; *ăn thủng nồi trôi rế*; *ăn la ăn liếm* luôn bị phê phán. Ch ông ta có câu *ăn một miếng, tiếng cả đời*. Trong câu này, chữ *ăn* gắn liền với chữ "tiếng", hiểu rộng hơn, chữ *ăn* gắn với lễ tiết, danh dự, do đó phải xử sự việc ăn như thế nào để khỏi khó coi, khỏi bị ngừi đời chê cười, phê phán. Câu tục ngữ là một lời khẳng định đồng thời cũng là lời nhắc nhở đối với chúng ta trong việc ăn uống.

Như vậy mới biết việc ăn cũng chẳng hề đơn giản. Để có được thói quen ăn uống sao cho có văn hoá thì chúng ta cần phải học. Đó cũng là việc quan trọng đầu tiên mà mỗi chúng ta đều phải học: *học ăn, học nói, học gói, học mở.* Rõ ràng *học ăn* cũng chính là học sống, thái độ với việc ăn cũng chính là biểu hiện một phần của cách sống, thái độ sống của con người.

Ăn uống không chỉ đơn thuần nhằm duy trì sự sống mà còn là nét văn hoá gọi là văn hoá ẩm thực. Từ cách ăn uống, có thể phần nào thấy được trình độ văn hoá, trình độ nhận thức, kinh nghiệm của một cá nhân, một gia đình, một vùng miền và một dân tộc.

Ăn Bắc, mặc Nam: Theo ông cha ta, khi nói đến ăn uống, thưởng thức thì miền Bắc có nhiều món ăn ngon, còn nói về lụa là, trang phục, vải vóc thì ở miền Nam mới là đặc sắc. Đó là nét độc đáo của hai miền Nam, Bắc với hai đặc trưng rõ nét.

Ăn chân sau cho nhau chân trước: câu tục ngữ này là kinh nghiệm của cha ông ta trong cách lựa chọn thịt lợn: chân trước của lợn ít thịt và không ngon bằng chân sau nhưng chân trước nhìn có dáng, đẹp hơn. Như vậy đem biếu chân trước làm đẹp lòng người được biếu, giữ lại cái chân sau, xấu mã song thực chất lại có giá trị hơn. Ở đây còn thể hiện văn hoá ứng xử từng trải, khôn ngoan của cha ông ta.

Ăn dứa đằng đít, ăn mít đằng đầu là kinh nghiệm được đúc rút từ thực tiễn cuộc sống của người Việt. Theo đó, khi ăn mít thì nên chọn phần mít ở phía cuống và khi ăn dứa thì nên chọn phần phía sát cụm lá thì sẽ ngon hơn, ngọt hơn ở các phần khác.

3.2. Thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ "ăn" phản ánh đời sống nông nghiệp đặc thù

Văn hoá Việt Nam có nguồn gốc bản địa là chủ yếu. Đó là những giá trị văn hoá được nảy sinh từ nền văn minh châu thổ sông Hồng. Nền văn minh này nằm trong một khu vực rộng lớn hơn là nền văn minh của những cư dân trồng lúa nước ở khu vực Đông Nam Á. Nhà nghiên cứu G. Cosde cho rằng: "Về phương diện vật chất: làm ruộng cấy lúa, nuôi trâu bò, dùng đồ kim khí thô sơ, giỏi bơi thuyền" [8, tr.69]. Tác giả Trần Ngọc Thêm trong *Cơ sở văn hoá Việt Nam* đã bổ sung ý kiến trên bằng một nhận xét xác đáng: "Việc trồng lúa và các loại cây như khoai, bầu, bí, trầu, cau; việc thuần dưỡng một số gia súc như trâu, lợn, gà; việc làm nhà ở; việc dùng cây thuốc chữa bệnh" [6, tr.85]. Tất cả những điều này đều phản ánh nét đặc trưng trong văn hoá Việt Nam là văn hoá nông nghiệp. Mọi thứ

được gắn với việc *ăn* đều mang dấu ấn nông nghiệp rất rõ rệt. Chúng tôi đã khảo sát được 120/400 câu thành ngữ, tục ngữ có từ ngữ phản ánh nền văn hoá nông nghiệp, chiếm 30%. Ví dụ:

- *Ăn bát cháo chạy ba quãng đồng*
- *Ăn bát cơm dẻo nhớ nẻo đường đi*
- *Ăn cơm có canh, tu hành có vãi*
- *Ăn cơm còn có đỗ*
- *Ăn cá bỏ lờ*
- *Ăn cái rau trả cái dưa*
- *Ăn cây táo rào cây sung*
- *Ăn cơm với cà là nhà có phúc*
- *Ăn khoai cả vỏ*
- *Ăn ở như chó với mèo….*

Dấu ấn truyền thống văn hoá nông nghiệp lúa nước được thể hiện qua các từ ngữ chỉ sản phẩm của nông nghiệp như *cơm, cháo, canh, cá, rau, cà, dưa, đỗ,…* (những thức ăn thường có trong bữa ăn của người Việt từ xưa đến nay); những giống cây trồng thân thuộc như *cây táo, cây sung, khoai*… ; những con vật nuôi trong gia đình như *chó, mèo,*… .

3.3. Thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ "ăn" phản ánh tính cách, phẩm chất con người Việt Nam

Tính cách là tổng thể những đặc điểm tâm lí ổn định trong cách xử sự của một người, biểu hiện thái độ điển hình của người đó trong những hoàn cảnh điển hình. Bản chất con người là tổng hoà của các mối quan hệ xã hội. Con người sáng tạo ra ngôn ngữ để phục vụ cho đời sống và cũng chỉ có ngôn ngữ mới có thể thoả mãn được nhu cầu truyền tải những thông điệp, tư tưởng, tình cảm của con người. Đặc điểm tính cách của người Việt Nam được nói đến trong thành ngữ, tục ngữ có từ *ăn* tồn tại cả những tính cách tốt, tích cực và những tính cách xấu, tiêu cực.

Qua khảo sát, chúng tôi thu được 159/400 câu nói về tính cách, phẩm chất con người, chiếm 39,75% (trong đó 62/159 câu nói về những tính cách, phẩm chất tốt đẹp chiếm 39%; 97/159 câu nói về tính cách, phẩm chất xấu chiếm 61%).

Những tính cách, phẩm chất tốt đẹp của người Việt được đề cập trong 62/159 thành ngữ, tục ngữ, đó là sự nhường nhịn; chăm chỉ, chịu đựng gian khổ, vất vả, kiên trì để đi đến thành công; là sự biết ơn, lòng nhân á,… .

Khi hưởng thành quả ngọt bùi, chúng ta phải nhớ đến những tháng ngày cơ cực, tần tảo sớm hôm, nhớ đến quá trình lao động *một nắng hai sương* của bản thân cũng như của người khác, là truyền thống uống nước nhớ nguồn, để từ đó biết trân trọng những gì mình đang có, mình đạt được; lấy đó làm bài học, làm động lực để hướng tới tương lai tốt đẹp hơn: *ăn bát cơm dẻo nhớ nẻo đường đi*.

Trong cuộc sống, mỗi chúng ta đều có rất nhiều mối quan hệ khác nhau, đó là gia đình, *tình làng nghĩa xóm,* tình bạn bè bằng hữu, tình đồng nghiệp,...; việc *đối nhân xử thế,* sống sao cho *có lí có tình, có trước có sau,* cho hài hoà các mối quan hệ là điều rất quan trọng. Vì thế ông cha ta thường dạy rằng: *Ăn ở như bát nước đầy; Ăn ngọt trả bùi,…* .

Cũng như mọi dân tộc khác, dân tộc Việt Nam rất coi trọng sự tự giáo dục, ghét cái xấu, cái ác nên thay vì lảng tránh, ông cha ta không che giấu mà thẳng thắn đề cập đến chúng, và xem đó như một cách để tự răn mình và dạy người. Chẳng hạn như:

- *Ăn ốc nói mò*
- *Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa*

- *Ăn ở như chó với mèo*
- *Ăn ngập mặt ngập mũi*
- *Ăn no dửng mỡ*
- *Ăn mày mà đòi xôi gấc*
- *Ăn cháo đá bát*
- *Ăn chung ở chạ*
- *Ăn cơm trước kẻng*
- *Ăn tục nói phét …*

Qua những cách nói trên, người Việt muốn tỏ thái độ phê phán đối với những thói hư, tật xấu để mọi người tự nhìn nhận, tự sửa đổi. Điều này cũng thể hiện tính cách lạc quan, luôn nhìn về phía trước, vượt lên cái tôi của cha ông ta.

3.4. Thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ "ăn" phản ánh đời sống tinh thần, phong tục, tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ "ăn" thể hiện phong tục, tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt có số lượng không nhiều, chỉ 20/400 thành ngữ, tục ngữ chiếm 5%.

Những thành ngữ có dấu ấn tôn giáo của người Việt như:

- *Ăn chay niệm Phật*
- *Ăn của Bụt thắp hương thờ Bụt*
- *Ăn cháo thí*
- *Ăn oản của chùa phải quét lá đa*
- *Ăn cháo lá đa*
- *Ăn cơm có canh, tu hành có vãi*

Trong những thành ngữ, tục ngữ này, những từ ngữ trong Phật giáo như: *ăn chay, niệm Phật, ăn cháo thí, ăn cháo múc bằng lá đa* (khi cúng chúng sinh), *ăn oản, thắp hương, Bụt, chùa, tu hành, vãi, quét lá đa,…* được nhắc đến nhiều lần, điều này cho thấy dấu ấn Phật giáo rất rõ nét.

Bên cạnh những dấu ấn về Phật giáo, các thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ "ăn" còn xuất hiện một số từ ngữ của các tín ngưỡng khác như *bùa mê, cháo lú, bả, thuốc dấu, thuốc ngải*,… trong *ăn phải bùa mê cháo lú; ăn phải bùa phải bả; ăn phải bùa mê thuốc dấu; ăn phải bùa mê thuốc ngải;…* . Sở dĩ có các từ ngữ này bởi trước đây, một số người Việt còn mông muội, mê tín dị đoan. Ngày nay, những tín ngưỡng mê tín dị đoan đã bị ngăn chặn, bài trừ.

Thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ *ăn* cũng thể hiện những dấu ấn phong tục, tập quán của người Việt. Ví dụ, phong tục trong "đám ma" nhất định phải có kèn, có trống, giống như ăn cơm phải có rau: *Ăn cơm không rau như đám ma nhà giàu chết không kèn trống*; hay khi sinh nở phải kiêng cữ cho thuận lợi, may mắn, tránh rủi ro cho bà mẹ và em bé: *ăn kiêng nằm cữ…*

Câu tục ngữ *Ăn như thần trùng đổ đó* nghĩa là ăn nhiều và nhanh một cách khủng khiếp. "Thần trùng" ở đây là từ mà theo quan niệm dân gian, gia đình có người chết vào "giờ xấu", rơi vào "kiếp sát" sẽ bị "trùng tang" - có nhiều người chết một thời gian ngắn.

Như vậy, mặc dù số lượng thành ngữ, tục ngữ bắt đàu bằn từ *ăn* thể hiện phong tục, tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt có số lượng không nhiều nhưng cũng phần nào thể hiện được sự phong phú trong đời sống tinh thần, phong tục, tập quán của người Việt ta.

4. Kết luận

Thành ngữ, tục ngữ là những câu nói được đúc kết từ kinh nghiệm sống; phản ánh lối nói, lối suy nghĩ, tư duy đặc thù của dân tộc. Điều này càng làm rõ nhận định ngôn ngữ là sản phẩm của tư duy,

của ý thức con người. Thành ngữ, tục ngữ là nguồn tư liệu phong phú, hết sức cần thiết đối với việc nghiên cứu đặc trưng văn hoá - dân tộc của tư duy ngôn ngữ. Thông qua việc tìm hiểu thành ngữ, tục ngữ bắt đầu bằng từ *ăn,* chúng tôi đã phần nào làm rõ được những đặc trưng văn hoá - dân tộc Việt Nam. Đó là nét đặc trưng trong đời sống nông nghiệp trồng lúa nước, là văn hoá trong ăn nói, giao tiếp và đặc biệt là những đặc điểm về tính cách, phẩm chất, tinh thần, tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt. Trong số các đặc trưng văn hoá - dân tộc được phản ánh thì đặc trưng về những hành vi mang tính xã hội, bộc lộ nhân cách của mỗi con người được phản ánh rõ nhất; thứ hai là về đời sống nông nghiệp đặc thù tính cách, phẩm chất của người Việt; thứ ba là đặc trưng về tính cách, phẩm chất của người Việt; và cuối cùng là phản ánh đời sống tinh thần, phong tục, tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ nghĩa thành ngữ tục ngữ sự vận dụng*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 3, 1983.
2. Trần Quang Đức, Nguyễn Giang Linh, Đặng Hồng Quân, *Thành ngữ tục ngữ Việt Nam*, NXB Hội Nhà văn Hà Nội, 2022.
3. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, NXB KHXH, 2004.
4. *Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 3*, Nhà xuất bản Sự thật Quốc gia, 2011.
5. Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
6. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
7. Nguyễn Văn Thông, *Tìm hiểu văn hoá ẩm thực của người Việt qua ca dao, tục ngữ,* Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn, 28, tr.129-132, 2012.
8. Sausure F. de, *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, NXB KHXH, 1973.